TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 01, 02 - 06/01/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Khởi đầu năm mới thuận lợi, sắc xanh lan tỏa khắp thị trường"

Chứng khoán toàn cầu đa phần giao dịch khởi sắc trong tuần qua. Tăng trưởng tiền lương của Hoa Kỳ bất ngờ chậm lại trong tháng 12, thêm vào đó, dữ liệu ISM cho thấy hoạt động kinh doanh phi sản xuất giảm, trong khi các đơn đặt hàng của nhà máy giảm cao hơn dự kiến. Điều này có thể là cơ sở để Cục Dự trữ Liên bang ít mạnh tay hơn trong việc thắt chặt tiền tệ. Chốt tuần, Dow Jones và S&P 500 tăng lần lượt 1.46% và 1.45%. Chứng khoán châu Âu tích cực hơn khi dữ liệu PMI phục hồi tốt hơn kỳ vọng tạo ra sự lạc quan, cho thấy hoạt động sản xuất cải thiện hơn đã thúc đẩy Stoxx Euro vọt tăng 3.6%. Chứng khoán châu Á được dẫn dắt từ Trung quốc khi kỳ vọng việc mở cửa trở lại tiếp tục giúp Hang Seng leo dốc 6.1%, Shang hai cũng bật tăng 2.2%.

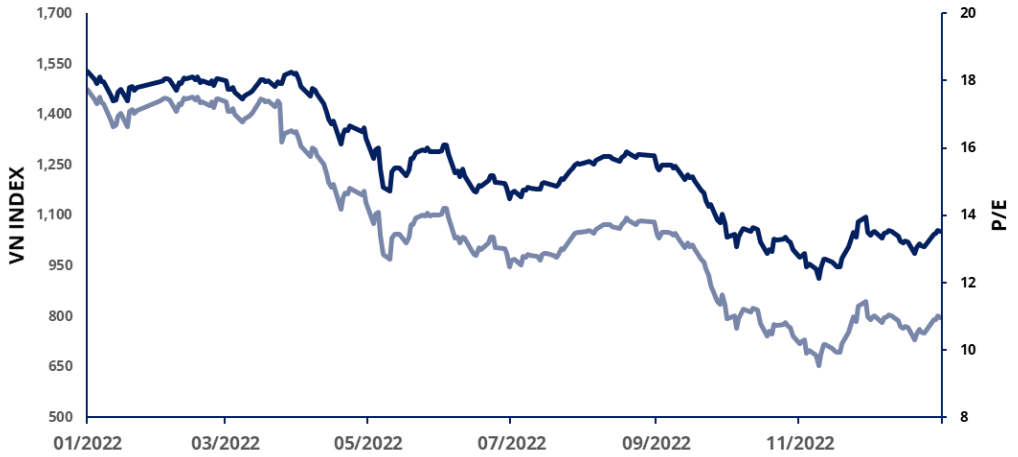
Dầu thô có tuần giao dịch tồi tệ với mức sụt giảm 8.1%, đưa giá dầu WTI về dưới mức 74 USD/thùng. Những lo ngại về suy thoái kinh tế lấn át lo ngại về lượng hàng tồn kho thấp ở Mỹ. Bên cạnh đó, số ca nhiễm Covid tăng vọt ở Trung Quốc tiếp tục làm u ám triển vọng nhu cầu đối với nhà nhập khẩu hàng đầu bất chấp những nỗ lực mở cửa trở lại của chính quyền. Ngoài ra, người tiêu dùng lớn Ấn Độ dự kiến tăng trưởng kinh tế của nước này sẽ chậm lại trong năm hiện tại.

Chứng khoán Việt Nam phục hồi sau 4 tuần điều chỉnh giảm liên tiếp, hòa chung sắc xanh với thị trường toàn cầu. Chốt tuần, VN-Index tăng 44.4 điểm (+4.4%) lên mức 1051.4 điểm; HNXIndex cũng tăng 5.3 điểm (+2.6%) lên 210.7 điểm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước bán ròng. Nhóm dầu khí, ngân hàng quay lại vai trò dẫn dắt thị trường, bên cạnh là nhóm đầu tư công, vật liệu xây dựng tiếp tục cho thấy sự khởi sắc. Về tâm điểm tuần sau, tại Hoa Kỳ, trung tâm sẽ là báo cáo tỷ lệ lạm phát (CPI), bài phát biểu của Chủ tịch Fed Powell tại Hội nghị chuyên đề quốc tế Riksbank và tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan. Ngoài ra, dữ liệu CPI sẽ được công bố cho Trung Quốc, Ấn Độ, Mexico và Brazil. Cuối cùng, các nhà đầu tư sẽ chú ý đến dữ liệu ngoại thương của Trung Quốc, Úc, Khu vực đồng Euro và Vương quốc Anh.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số đóng cửa tuần với mức phục hồi tương đối, dù vậy, áp lực chốt lời bắt đầu quay trở lại. Thanh khoản dù cải thiện nhưng vẫn ở dưới mức bình quân 20 phiên, cho thấy sự vận động đi lên trong thận trọng. Ở khung đồ thị ngày, chỉ báo MACD đã cắt lên đường signal đồng thời vượt lên trở lại miền dương cùng với RSI duy trì trên mức 50 cho thấy quán tính tăng đồng thuận. Thị trường vẫn nghiêng về hướng đi lên trong rung lắc với kháng cự gần nhất là ngưỡng 1,080 điểm. Do vậy, nhà đầu tư có thể tích lũy vị thế ở nhịp điều chỉnh và hạn chế hưng phấn.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,051	4.4	0.0	1.5	4.4		11.0	1.7	179
Upcom Index	73	1.5	1.6	-9.0	1.5		11.3	1.3	42
HNX Index	211	2.6	-2.9	-6.8	2.6		13.4	1.2	10
VN30 Index	1,057	5.2	-0.7	1.7	5.2		9.1	1.7	127
S&P 500 Index	3,895	1.4	-1.0	7.0	1.4		18.9	3.9	33,987
STOXX Europe 600 Index	444	3.6	1.2	13.5	4.6		15.2	1.8	13,103
Hang Seng	20,992	6.1	5.5	18.3	6.1		7.6	0.9	2,990
Nikkei 225	25,974	-0.5	-6.9	-4.2	-0.5		17.6	1.5	3,503
SHCOMP Index	3,158	2.2	-1.5	4.4	2.2		14.3	1.4	6,624
STI Index	3,277	0.8	0.9	4.2	0.8		11.7	1.1	379
KOSPI Index	2,290	2.9	-4.1	2.6	2.4		10.8	0.8	1,379

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	4.8	0.2	4.8	27.2	-12.9	-16.7	65.4	-2.1	11.1	1.8	3,631,304
Mid Cap	2.4	-1.9	2.4	40.6	-11.0	-10.6	32.5	2.1	10.2	1.0	484,016
Small Cap	0.9	-2.0	0.9	30.5	-2.0	-6.5	2.1	0.0	14.3	0.6	72,953

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	9.2	14.2	9.2	28.0	16.6	-14.3	1.6	0.0	6.9	1.1	54,826
Tài nguyên cơ bản	7.1	0.8	7.1	25.9	-22.8	-21.0	9.3	-0.4	7.6	1.0	149,959
Tài chính	6.5	-5.1	6.5	19.9	-32.1	-25.2	11.0	-1.1	9.9	0.9	99,948
Ngân hàng	5.7	5.4	5.7	39.1	-2.3	-0.4	26.5	1.5	8.3	1.1	1,508,303
Xây dựng và vật liệu	5.1	-1.1	5.1	78.6	23.9	37.7	7.4	2.0	11.6	1.0	92,716
Thực phẩm và đồ uống	4.6	-0.1	4.6	25.2	-6.6	-5.0	9.4	-0.5	16.1	1.0	517,398
Bất động sản	3.8	-8.8	3.8	14.3	-26.0	-31.4	17.5	-2.6	14.8	0.9	780,904
Công nghệ Thông tin	3.8	2.8	3.8	40.6	13.3	-13.6	1.0	0.1	16.2	1.0	100,073
Tiện ích	3.4	0.8	3.4	90.8	52.9	31.9	2.8	0.9	13.2	1.0	315,829
Ô tô & Phụ tùng	3.1	6.0	3.1	-5.9	4.6	-10.6	0.4	-0.2	8.8	1.1	13,807
Bảo hiểm	3.1	0.7	3.1	58.3	-12.5	-33.6	0.4	0.1	16.8	1.0	46,903
Hóa chất	2.1	-4.8	2.1	59.6	0.2	-34.9	4.1	0.7	5.7	1.0	133,684
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.2	-4.5	1.2	39.6	4.5	11.6	5.2	0.3	9.8	1.0	106,191
Bán lẻ	0.6	-6.5	0.6	9.1	-30.6	-57.2	1.6	-0.3	12.1	0.9	83,757
Dược và Y tế	0.1	0.5	0.1	-7.2	6.0	1.0	0.2	-0.1	13.0	1.0	30,493
Truyền thông	-0.2	-20.2	-0.2	119.6	49.0	-26.7	0.0	0.0	2.4	0.8	879
Du lịch và Giải trí	-0.4	3.6	-0.4	20.7	-16.5	16.2	0.8	-0.1	n.a	1.0	101,357
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1	1.4	-1.1	-2.1	-34.3	-40.6	0.8	-0.3	10.1	1.0	50,929

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,391**	**-2.06**	**241.65**	**761.7**	**-2.1**
Nước ngoài	**2,267**	**-4.94**	**238.93**	**716.7**	**-4.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	449	19.48	50.70	136.3	19.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	752	1.48	67.20	232.6	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	633	44.69	106.53	299.1	44.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	286	3.21	13.98	40.9	3.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	117	-73.80	0.51	9.2	-73.8
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.00	0.00	-1.9	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.00	0.00	0.5	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.0	0.0
Trong nước	**1,124**	**2.88**	**2.72**	**45.0**	**2.9**
DCVFMVN Diamond ETF	601	0.00	0.00	0.0	1.6
DCVFMVN30 ETF Fund	335	1.60	1.45	30.6	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	149	1.34	4.85	25.8	0.0
MAFN VN30 ETF	27	0.00	-0.98	-7.8	1.3
SSIAM VNX50 ETF	6	-0.06	-2.60	-3.6	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-48,296	-102,234	-187,530
Ấn độ	-279	-279	-279	-279
Indonesia	-140	-140	-140	-140
Nhật Bản	-2,021	-1,053	20,704	2,350
Maylaysia	7	7	7	7
Philippines	20	20	20	20
Hàn Quốc	187	989	989	989
Sri Lanka	0	0	0	0
Đài Loan	307	307	307	307
Thái Lan	217	217	217	217
Việt Nam	61	61	61	61

*: Số liệu công bố bởi PBOC có độ trễ 1 quý

Nguồn: Bloomberg

Chú thích:

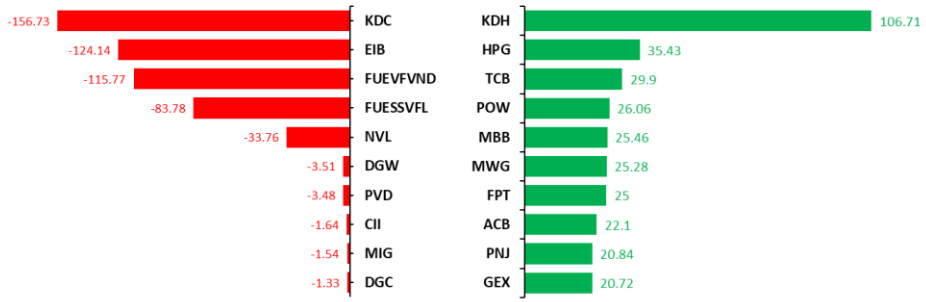
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

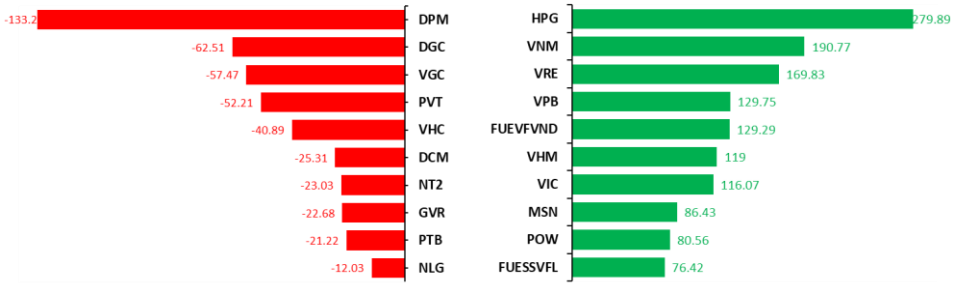
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)	Cá nhân nước ngoài (tỷ VND)	Tổ chức nước ngoài (tỷ VND)
Bất động sản	(246.6)	(231.6)	6.4	471.7
Tài nguyên Cơ bản	(296.1)	20.4	6.1	269.6
Truyền thông	(0.1)	0.1	-	-
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	86.3	(62.3)	0.2	(24.2)
Y tế	(9.5)	(2.3)	0.3	11.4
Hóa chất	253.0	(5.6)	1.9	(249.2)
Dịch vụ tài chính	(331.3)	(99.3)	22.7	408.0
Du lịch và Giải trí	(6.0)	5.3	0.8	(0.1)
Ngân hàng	(703.5)	406.9	(31.4)	327.9
Xây dựng và Vật liệu	3.2	30.7	5.5	(39.4)
Thực phẩm và đồ uống	(117.0)	(169.2)	(4.8)	291.0
Bán lẻ	(15.2)	18.6	(1.4)	(2.0)
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	(98.0)	22.5	(1.1)	76.6
Hàng cá nhân & Gia dụng	(15.0)	19.6	(0.3)	(4.3)
Công nghệ Thông tin	(105.8)	103.1	(0.2)	2.9
Ô tô và phụ tùng	2.0	(1.4)	(0.3)	(0.3)
Bảo hiểm	(30.2)	2.6	3.9	23.7
Dầu khí	(120.2)	61.1	1.1	58.1
Tổng cộng	**(1,750.0)**	**119.1**	**9.3**	**1,621.6**

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.50 - 29.50	20.3	-9.78%
2	ITA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.41 - 19.60	4.1	-6.16%
3	NT2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20.00 - 32.60	28.8	-5.58%
4	IMP	Y tế	43.50 - 86.40	57.0	-5.32%
5	DXS	Sản xuất nông nghiệp	4.04 - 32.77	6.4	-5.19%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
11.80%	39.8	26.10 - 48.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	STG
10.80%	27.7	15.00 - 65.00	Thực phẩm và đồ uống	ANV
7.04%	14.5	7.75 - 20.60	Ngân hàng	LPB
6.82%	11.8	8.91 - 20.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	POW
5.90%	14.5	32.90 - 67.90	Tài nguyên Cơ bản	ACG

Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PMC	Y tế	59.00 - 85.00	66.0	-18.52%
2	VNC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.70 - 65.50	39.6	-18.18%
3	SEB	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	37.50 - 58.00	45.8	-17.48%
4	VC1	Xây dựng và Vật liệu	7.30 - 26.10	8.6	-14.85%
5	SJ1	Thực phẩm và đồ uống	11.10 - 17.50	14.8	-13.95%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.09%	24.7	8.30 - 24.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TSB
26.98%	8.0	5.10 - 15.30	Tài nguyên Cơ bản	BKC
21.00%	60.5	17.30 - 77.00	Công nghệ Thông tin	VLA
16.39%	7.1	4.50 - 27.50	Tài nguyên Cơ bản	KKC
12.20%	13.8	11.30 - 23.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	NBP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NHV	Tài nguyên Cơ bản	14.06 - 57.00	16.4	-54.44%
2	ICI	Xây dựng và Vật liệu	4.70 - 9.40	4.7	-33.80%
3	NTT	Hàng cá nhân & Gia dụng	5.50 - 14.20	5.5	-32.10%
4	DM7	Hàng cá nhân & Gia dụng	9.50 - 26.20	16.0	-25.58%
5	KIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.80 - 14.60	6.8	-24.44%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
49.21%	9.4	6.30 - 9.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MLC
46.08%	14.9	8.90 - 25.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	VDN
33.81%	47.1	17.60 - 70.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
32.09%	24.7	13.90 - 46.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	EME
31.55%	27.1	20.60 - 75.00	Y tế	MRF

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TBC	Thủy điện Thác Bà	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	557.8	952.4	30.6	26.00 - 35.70	5.5
2	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13,355.4	470.5	37.0	25.15 - 42.40	2.8
3	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34,331.0	275.4	10.9	5.75 - 23.90	-6.8
4	GMD	Gemadept	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18,666.3	255.1	46.6	36.40 - 62.20	2.6
5	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	24,845.9	222.6	28.8	20.00 - 32.60	0.2
6	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	11,373.5	204.1	23.5	15.50 - 44.60	11.4
7	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	93,053.6	192.8	20.3	13.50 - 29.50	-6.9
8	ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	43,178.4	188.0	27.7	15.00 - 65.00	22.8
9	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	145,920.6	170.3	11.8	8.91 - 20.80	11.9
10	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	3,047.4	154.8	9.8	8.00 - 15.69	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.66	0.13	-1.10	-8.10	0.13	
VND/USD	23,472	-0.68	-2.33	-1.58	-0.68	
KRW/USD	1,252.15	-1.68	-3.80	-11.37	-1.05	
JPY/USD	131.68	0.67	-3.57	-9.63	0.43	
EUR/USD	0.94	-0.02	-1.20	-9.06	0.34	
SGD/USD	1.33	-0.65	-1.54	-7.28	-0.49	
CNY/USD	6.80	-1.38	-2.22	-4.92	-1.38	

Hàng hóa

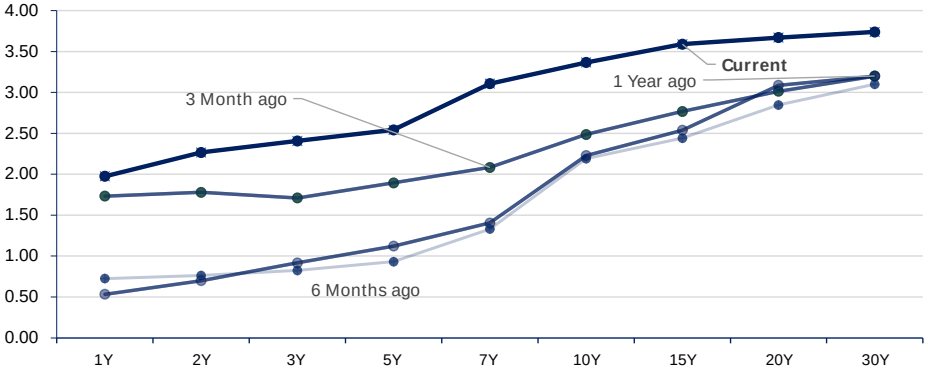
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	74.22	-7.53	4.51	-19.88	-7.53	
Xăng	226.78	-7.79	10.30	-17.07	-7.79	
Gas	3.84	-14.30	-38.59	-43.17	-14.30	
Than	396.15	-1.98	-3.09	-0.96	-1.98	
Vàng	1,874.33	2.76	4.28	12.33	2.76	
Bạc	24.00	0.19	2.24	22.40	0.19	
Platinum	1,101.07	2.49	7.15	22.07	2.49	
Quặng sắt	116.57	5.04	7.45	22.11	4.75	
Thép cán	4,151.00	0.10	3.88	3.00	0.10	
Lúa mì	743.00	-6.19	4.24	-15.59	-6.19	
Ngô	654.00	-3.61	3.03	-4.28	-3.61	
Gỗ	354.00	-7.76	-14.72	-22.15	-5.27	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)*	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.